

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2016	Quý 2 Năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương	21	258,985	314,343	490,629	541,063
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	181,383	338,808	345,880	483,499
I	Thu nhập lãi thuần		77,602	(24,465)	144,748	57,563
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		14,755	36,744	59,699	52,858
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		882	1,527	2,374	2,062
II	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	23	13,874	35,217	57,325	50,796
III	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	690	(15,102)	704	(18,632)
IV	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	19,061	(1,237)	19,074	88
V	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	1,365	192	(284)	1,578
5	Thu nhập từ hoạt động khác		566	222	1,590	222
6	Chi phí hoạt động khác			(7)	103	-
VI	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	27	566	229	1,487	222
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	12,674	10,795	14,527	16,536
VIII	Chi phí hoạt động	29	24,469	18,653	38,136	29,677
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		101,362	(13,025)	199,445	78,474
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		76,827	44,646	85,795	44,646
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		24,535	(57,671)	113,650	33,828
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	28,466	6,999
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30	-	-	28,466	6,999
XIII	Lợi nhuận sau thuế		24,535	(57,671)	85,184	26,829
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20			341	107

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Phó Phòng kế toán

Tổng Giám đốc

Mai Danh Hiền

Nguyễn Luân

Bùi Xuân Dũng

